

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **32** /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **06** tháng **3** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 36/TTr-SXD ngày 28 tháng 02 năm 2025 và ý kiến của các Ủy viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **06** tháng **3** năm 2025.

2. Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Quy định tại Điều 1 của Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều 4a Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lào Cai;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai;
- Đài PT-TH tỉnh Lào Cai;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai;
- CVP; PCVP1,2;
- Lưu: VT, BBT1, KSTT1, các CV, XD3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số: **32** /2025/QĐ-UBND ngày **06** tháng **3** năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Các nội dung khác về quản lý hoạt động xây dựng không quy định trong Quy định này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 3. Chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác

- Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc trở lên.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý, trừ các dự án quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

- Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh), chủ trì thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo

kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo chuyên ngành được giao quản lý phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

2. Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện), chủ trì thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện, thị xã, thành phố, trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B trở lên hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện, thị xã, thành phố, trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B trở lên hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 7. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư

1. Người đề nghị thẩm định (được người quyết định đầu tư giao làm chủ đầu tư dự án) trình Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định đối với các dự án được quy định tại Điều 5 của Quy định này. Trình tự thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sau khi nhận được kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn xây dựng tại khoản 1 Điều này, người đề nghị thẩm định thực hiện hoàn thiện các yêu cầu của thông báo thẩm định (nếu có), tiếp tục thực hiện thủ tục trình cơ quan chuyên môn về xây dựng cùng cấp người có thẩm quyền quyết định đầu tư quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị và gửi 01 bộ hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh); tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện).

Thành phần hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định dự án theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trình cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; Văn bản, tài liệu làm rõ các nội dung đề nghị thẩm định theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định và các tài liệu tài liệu, văn bản pháp lý khác theo quy định hiện hành.

4. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Trong thời hạn 03 ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

a) Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến người đề nghị thẩm định (nếu có);

b) Có văn bản từ chối tiếp nhận thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định trực thuộc người quyết

định đầu tư hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Quy định này (nội dung xác định theo Tờ trình thẩm định); Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định trực thuộc người quyết định đầu tư theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Văn bản từ chối tiếp nhận thẩm định phải nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận thẩm định thuộc một trong các trường hợp nêu trên.

5. Trong quá trình thực hiện thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi người đề nghị thẩm định về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

6. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung, khắc phục hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Người đề nghị thẩm định nhận lại hồ sơ trình thẩm định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo quy định về thực hiện thủ tục hành chính.

7. Thời gian thẩm định dự án được quy định như sau:

- a) Đối với dự án nhóm B, tổng thời gian thẩm định không quá 25 ngày;
- b) Đối với dự án Báo cáo nghiên cứu khả thi nhóm C, tổng thời gian thẩm định không quá 17 ngày;
- c) Đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 17 ngày.

8. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc người đề nghị thẩm định hoàn thành việc bổ sung hồ sơ và ban hành kết quả thẩm định theo thời gian quy định. Kết quả thẩm định phải có đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định và kết luận cho toàn bộ các nội dung thẩm định. Kết quả thẩm định được đồng thời gửi đến cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo Mẫu số 04, Mẫu số 05 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

9. Việc đóng dấu, lưu trữ hồ sơ thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định được thực hiện như sau:

- a) Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận các nội dung đã được thẩm định trên các bản vẽ có liên quan của 01 bộ hồ sơ bản vẽ. Mẫu dấu thẩm định theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Các bản vẽ đã đóng dấu thẩm định được giao lại cho người đề nghị thẩm định; người đề nghị thẩm định có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và

đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .pdf) bản vẽ thiết kế cơ sở đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định. Trường hợp không thực hiện được việc lưu trữ theo bản định dạng .pdf, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định nộp bổ sung 01 bộ bản vẽ để đóng dấu lưu trữ;

b) Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm a khoản này.

10. Người đề nghị thẩm định, điều chỉnh dự án thực hiện việc nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11. Quy trình thẩm định điều chỉnh dự án tại cơ quan chủ trì thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại các khoản: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều này. Trong đó hồ sơ điều chỉnh dự án bổ sung thêm nội dung lý do điều chỉnh và kèm theo bộ hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.

12. Sau khi người đề nghị thẩm định thực hiện hoàn thiện các nội dung yêu cầu chỉnh sửa theo thông báo kết quả thẩm định quy định tại khoản 8 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm định tại Điều 4 Quy định này trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng thông qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lào Cai (VNPT-ioffice) hoặc qua đường bưu chính. Thời hạn xem xét, phê duyệt của người quyết định đầu tư không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định (gồm: Tờ trình phê duyệt dự án của cơ quan chủ trì thẩm định theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; Dự thảo Quyết định phê duyệt; Văn bản hoặc Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Tờ trình thẩm định của chủ đầu tư; Kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn xây dựng; Kết quả thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định; các văn bản tham gia ý kiến chuyên ngành liên quan (nếu có) và hồ sơ khác theo quy định pháp luật). Quyết định phê duyệt dự án thực hiện theo Mẫu số 06 và Mẫu số 07 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng:

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, trừ nhà ở riêng lẻ và công trình quy định tại điểm b khoản này;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế cấp giấy phép xây dựng các công trình trong các khu công nghiệp, khu kinh tế được cấp có thẩm quyền giao quản lý, trừ nhà ở riêng lẻ;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý, trừ công trình quy định tại điểm b khoản này;

d) Đối với công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên: Thẩm quyền cấp phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện. Trong đó, chủ đầu tư (người đề nghị cấp phép xây dựng) được chọn một trong các Ủy ban nhân dân cấp huyện nêu trên để trình hồ sơ xin cấp phép xây dựng. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm thống nhất bằng văn bản với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố còn lại về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy định, trước khi tiến hành cấp phép xây dựng.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp. Trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng hoặc cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo, làm thay đổi quy mô công trình thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo quy mô công trình mới sau điều chỉnh, sửa chữa, cải tạo.

Điều 9. Quy mô, chiều cao công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô, chiều cao công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp phép xây dựng có thời hạn:

a) Trường hợp xây dựng mới công trình, nhà ở riêng lẻ trên đất trống (công trình có kết cấu đơn giản thuận lợi cho việc lắp dựng, tháo dỡ). Không có tầng hầm, tầng bán hầm;

Nhà ở riêng lẻ: Tổng diện tích sàn xây dựng công trình tối đa là 100m², số tầng tối đa là 02 tầng (không kể gác xép) và chiều cao công trình tối đa là 9,5m;

Công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, công trình thương mại, dịch vụ: Tổng diện tích sàn tối đa 500m², số tầng tối đa 01 tầng, chiều cao công trình tối đa 9,5m. Đối với các công trình xây dựng nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế (được cấp có thẩm quyền giao Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý) tổng diện tích sàn tối đa 1.000m², số tầng tối đa 01 tầng, chiều cao công trình tối đa 12,0m;

Công trình trụ sở làm việc và các công trình khác: Tổng diện tích sàn tối đa 150m², số tầng tối đa là 01 tầng và chiều cao công trình tối đa 6,0m;

b) Trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở riêng lẻ hiện hữu có quy mô hiện trạng lớn hơn hoặc bằng quy mô quy định tại điểm a khoản này, chỉ được phép sửa chữa, cải tạo mà không làm tăng quy mô xây dựng (chiều cao, số tầng, diện tích xây dựng, diện tích sàn) và cấp công trình;

c) Trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở riêng lẻ hiện hữu mà làm tăng quy mô nhưng thấp hơn hoặc bằng quy mô quy định tại điểm a khoản này, yêu cầu kết cấu của phần tăng quy mô công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây

dựng có thời hạn phải đảm bảo độc lập với kết cấu của công trình hiện hữu đồng thời phải đảm bảo thuận tiện khi tháo dỡ, giải tỏa, không ảnh hưởng đến kết cấu và chất lượng của công trình hiện hữu.

2. Không cấp phép xây dựng có thời hạn đối với công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng.

3. Thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho mỗi lần cấp mới hoặc gia hạn tối đa không quá 03 năm và phù hợp với thời hạn quy hoạch và yêu cầu quản lý, phát triển của từng địa phương.

Điều 10. Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với công trình theo lĩnh vực quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình trong các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền sát hạch, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hạng I; cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I

Sở Xây dựng thực hiện sát hạch, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hạng I; Cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I.

Điều 12. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh kiểm tra các loại công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 2 điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 13. Giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp I.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Những dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện. Dự án đã được phê duyệt chủ

trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư thì việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo Quy định này.

2. Dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định thì việc thực hiện thẩm định của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thực hiện theo quy định tại Quyết định này. Dự án, công trình xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định khi có yêu cầu điều chỉnh kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đã nộp theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng thì việc cấp, cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định này. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực được thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Quy định này.

4. Việc cấp mới, gia hạn giấy phép xây dựng công trình có thời hạn trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Việc cấp mới, gia hạn giấy phép xây dựng công trình có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

5. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn hoặc cho một hoặc một số công trình của dự án theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các giai đoạn tiếp theo hoặc các công trình còn lại của dự án được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

6. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chuyên môn xây dựng cấp tỉnh

a) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quản lý dự án đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền.

c) Thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất các nội dung thuộc trách nhiệm tham mưu theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quản lý dự án đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền.

c) Thực hiện các nội dung được phân công, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

3. Trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quyết định này có thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới, cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định và Quyết định ban hành Quy định này.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 

PHỤ LỤC

MẪU TỜ TRÌNH VÀ CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 32 /2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025
của UBND tỉnh Lào Cai)

Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh dự án (áp dụng cho tổ chức đề nghị thẩm định, đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)
Mẫu số 02	Tờ trình thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh dự án (áp dụng cho tổ chức đề nghị thẩm định, đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)
Mẫu số 03	Tờ trình phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án (áp dụng cho cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định, đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)
Mẫu số 04	Tờ trình phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án (áp dụng cho cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định, đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)

lehu

(Áp dụng đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

Thẩm định hoặc Thẩm định điều chỉnh dự án: (tên dự án)

Kính gửi: (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định/thẩm định điều chỉnh Dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Quy mô/Quy mô điều chỉnh đầu tư xây dựng:

14. Lý do điều chỉnh, bổ sung (trường hợp điều chỉnh, bổ sung):

15. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM THEO

1. Văn bản pháp lý: Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Hồ sơ bản vẽ thiết kế và dự toán.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định, trình (Người quyết định đầu tư) phê duyệt dự án (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
-;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH**Thẩm định hoặc Thẩm định điều chỉnh dự án: (tên dự án)**

Kính gửi: (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định/thẩm định điều chỉnh Dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Quy mô/Quy mô điều chỉnh đầu tư xây dựng:



14. Lý do điều chỉnh, bổ sung (trường hợp điều chỉnh, bổ sung):

15. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN XÂY DỰNG VÀ CÁC NGÀNH LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

1. Giải trình các ý kiến của cơ quan chuyên môn xây dựng 1

2. Giải trình các ý kiến của cơ quan chuyên môn xây dựng 2

.....

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM THEO

1. Văn bản pháp lý: Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định, trình (Người quyết định đầu tư) phê duyệt dự án (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

-;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



(Áp dụng đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)

UBND ...
TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

Phê duyệt hoặc Phê duyệt điều chỉnh dự án: (tên dự án)

Kính gửi: (Người quyết định đầu tư).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) nhận được hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh kèm theo Tờ trình số của (Chủ đầu tư) về việc thẩm định điều chỉnh hoặc thẩm định điều chỉnh Dự án: (Tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) trình (Người quyết định đầu tư) xem xét, phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh Dự án (Tên dự án) với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình (với công trình xây dựng theo tuyến):
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư:
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô, công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính thuộc dự án.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

12. Tiến độ thực hiện dự án (thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn thực hiện dự án); phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư):

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

16. Các nội dung khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM THEO

- Liệt kê danh mục pháp lý theo khoản 12 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt của Người quyết định đầu tư.

III. KẾT LUẬN

Hồ sơ Dự án hoặc Điều chỉnh Dự án (tên dự án) đã được (chủ đầu tư) hoàn thiện theo ý kiến thẩm định, đủ điều kiện phê duyệt.

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) trình (người quyết định đầu tư) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND... (cấp huyện nơi thực hiện dự án);
-;
-;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



UBND ...
TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

Phê duyệt hoặc Phê duyệt điều chỉnh dự án: (tên dự án)

Kính gửi: (Người quyết định đầu tư).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) nhận được hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh kèm theo Tờ trình số của (Chủ đầu tư) về việc thẩm định điều chỉnh hoặc thẩm định điều chỉnh Dự án: (Tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) trình (Người quyết định đầu tư) xem xét, phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh Dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình (đối với công trình xây dựng theo tuyến):
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư:
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính thuộc dự án.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

13. Tiến độ thực hiện dự án (thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn thực hiện dự án); phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư):

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

17. Các nội dung khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM THEO

- Liệt kê danh mục pháp lý theo khoản 12 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt của Người quyết định đầu tư.

III. KẾT LUẬN

Hồ sơ Dự án hoặc Điều chỉnh Dự án (tên dự án) đã được (chủ đầu tư) hoàn thiện theo ý kiến thẩm định, đủ điều kiện phê duyệt.

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) trình (người quyết định đầu tư) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND... (cấp huyện nơi thực hiện dự án);
-;
-;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

